

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **461/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 27 tháng 8 năm 2020
V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lưu Thị Kim H**

2. Ông **Tạ Duy Hùng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2020/TLST – HN&GD ngày 03 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2020/QĐST-HPT ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Xuân T**, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 31 Q, phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Anh T có mặt.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Đội 2 khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ và nơi cư trú: 31 Q, phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Chị H vắng mặt lần thứ 2 liên tiếp không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 25/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn anh Đỗ Xuân T trình bày:**

- Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại UBND phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 31 Q, phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống đến khoảng

tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vào khoảng tháng 8 năm 2019 khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đánh cãi chửi nhau, có hàng xóm, công an phường can ngăn và hòa giải. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên để cho vợ chồng tự hòa giải với nhau nhưng không có kết quả. Từ khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chung sống cùng một nhà nhưng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, ai làm việc của người đấy. Nay anh T khẳng định không còn tình cảm với chị H, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có một con chung là cháu Đỗ An n, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018. Khi ly hôn anh T nhất trí để chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu An N và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về khoản nợ: Anh T xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*** Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Đỗ Xuân T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại UBND phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 31 Q, phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 10 tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có cử chỉ ngoại tình bằng tin nhắn điện thoại. Anh T không quan tâm đến gia đình vợ con, lăng mạ và hành hung chị. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị, quan điểm của chị như sau: Hiện nay Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đang điều tra theo đơn của anh Nguyễn Anh Quốc tố cáo anh T có hành vi ngoại tình với vợ của anh Quốc. Vì vậy chị đề nghị Tòa án tạm dừng việc giải quyết ly hôn để chờ kết quả trả lời của Công an thành phố Hà Nội. Nếu sau khi có kết quả anh T vẫn muốn ly hôn chị thì chị vẫn không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Đỗ An N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, chị đồng ý.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về khoản nợ: Chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được. Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thực hiện nguyên tắc hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 1 Điều 205; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 208; Điều 209; Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại Điều 63; Điều 227; 228 và chương II Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 199; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 42; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 63; khoản 4 Điều 70; khoản 1 Điều 71; khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Xuân T; Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ An N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị Thu H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng nên ghi nhận; Về tài sản chung và nhà ở, công nợ hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị Thu H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Thu H là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại số 31 Q, phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị Thu H là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại UBND phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Những mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên anh chị em cũng đã biết và đã khuyên giải cho vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của đại diện tổ dân phố, ông Nguyễn Công Hiền - là tổ trưởng tổ dân phố số 2 phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nơi anh T và chị H sinh sống cho biết: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại UBND phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 31 Q, phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình anh chị chung sống, tổ dân phố có chứng kiến việc anh chị xảy ra mâu thuẫn và có công an phường Q hòa giải cho anh chị vào khoảng tháng 9 năm 2019. Nay anh T xin ly hôn chị H, tổ dân phố thấy đây là việc riêng của anh chị. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Đỗ An N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018, tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để khi anh chị ly hôn, quyền lợi của cháu được đảm bảo. Về tài sản chung và vay nợ của anh T, chị H tổ dân phố không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị H tại Công an phường Q với nội dung: Anh T và chị H là vợ chồng có sinh sống tại địa chỉ 31 Q, phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình anh chị chung sống tại địa phương vào khoảng tháng 9 năm 2019 có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau và anh chị không làm đơn trình báo lên công an phường. Tuy nhiên công an phường có nắm được sự việc và tiến hành hòa giải cho anh chị, anh chị cũng đã đồng ý không gây mất trật tự tại địa phương.

Tại biên bản ghi lời khai bà Dương Thị T là mẹ đẻ của anh Đỗ Xuân T với nội dung: Cuối năm 2017, anh T có đưa chị H về giới thiệu với gia đình bà và xin tổ chức làm lễ cưới. Thời điểm đó chị H đã mang thai cháu Đỗ An N. Do anh T là công an nên trước khi anh chị đăng ký kết hôn, theo quy định của ngành công an phải xác minh lý lịch của chị Nguyễn Thị Thu H. Khi xác minh lý lịch của chị H thì gia đình bà mới biết những điều chị H nói với gia đình bà về bản thân chị là hoàn T sai sự thật. Tuy nhiên, vì con vì cháu, gia đình bà vẫn chấp nhận chị H về làm dâu. Đến ngày 10 tháng 9 năm 2018 anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh T và chị H về chung sống ở nhà bà tại số 31 Q, phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống bà thấy anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã và chị H có chửi bới, văng tục chửi bậy với bà. Nhiều lần chị H có xảy ra xô xát ghen tuông với anh T vô cớ. Khi bà có mời hội phụ nữ sang chứng kiến thì chị H lại tỏ ra không có việc gì xảy ra. Đối với bản thân bà, không bao giờ chấp nhận một người con dâu hỗn láo, không biết trên biết dưới như chị H. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Bà nhận thấy vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn xảy ra, tình cảm vợ chồng không còn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị H. Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H có một con chung là cháu Đỗ An N, sinh

ngày 19 tháng 9 năm 2018. Khi anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho cháu An Nhiên. Đối với tài sản chung, nhà ở và vay nợ của anh chị: Anh chị không có tài sản chung. Bà không có vay nợ anh chị và anh chị cũng không có vay nợ bà.

Đối với lời trình bày của chị H về việc anh T có cử chỉ ngoại tình bằng tin nhắn. Tòa án tiến hành xác minh tại Cơ quan cảnh sát điều tra– Công an thành phố Hà Nội: Ngày 05/5/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra– Công an thành phố Hà Nội đã tiếp nhận và thụ lý giải quyết đơn tố giác của anh Nguyễn Anh Quốc. Địa chỉ; Phòng 25.6, tháp 4 chung cư The Sun Avenue, phường An Phú, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1984. Nơi Đăng ký HKTT: Số 31 Q, phường Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Qua xem xét đơn tố giác của anh Nguyễn Anh Quốc và các tài liệu Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập được không có dấu hiệu anh Đỗ Xuân T có dấu hiệu ngoại tình. Hiện nay Cơ quan cảnh sát điều tra– Công an thành phố Hà Nội đang thụ lý giải quyết đơn theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị Thu H có ghi địa chỉ tại số 5 ngõ 39 An Trạch 1 phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án tiến hành xác minh tại công an phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội được công an phường Quốc Tử Giám cung cấp như sau: Tại địa chỉ số 5 ngõ 39 An Trạch 1 phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội là chung cư mini. Anh Đỗ Xuân T có thuê một phòng tại đây. Khoảng 1 tháng gần đây, có chị Nguyễn Thị Thu H thi thoảng đến địa chỉ trên. Tuy nhiên chị H không có đăng ký tạm trú và không ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại địa chỉ số 5 ngõ 39 An Trạch 1 phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau và có sự chứng kiến của gia đình, tổ dân phố và công an phường. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, chị H chỉ đến Tòa làm việc một lần sau đó chị đều vắng mặt không có lý do thể hiện chị từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử cho anh Đỗ Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ An N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018. Khi ly hôn anh T đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, chị H có nguyện vọng nuôi con chung. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, chị H đồng ý. Xét thấy cháu Nhiên dưới 36 tháng tuổi, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, việc giao con chung cho chị H là

người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh T, chị H xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về khoản nợ: Anh T, chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Anh Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; các Điều 203; 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Xuân T.

Anh **Đỗ Xuân T** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Thu H**.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đỗ An N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị Thu H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Thời gian đóng góp kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Đỗ Xuân T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Đỗ Xuân T, chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về khoản nợ: Anh Đỗ Xuân T, chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Đỗ Xuân T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002429 ngày 03 tháng 03 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Đỗ Xuân T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2020. Chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi Cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND Q, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

